

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý  
rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;*

*Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 4518/TTr-STC ngày 20 tháng 12 năm 2016; Báo cáo số 322/BC-STP ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Sở Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*(Có Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này).*

**Điều 2. Đối tượng thu, nộp**

1. Đối tượng nộp: Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hiện đang hoạt động, cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có rác thải ra môi trường đều phải thực hiện nộp tiền thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải theo mức giá quy định trên.

2. Đơn vị thực hiện thu (đơn vị): Tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt được thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt tại địa bàn.

Việc thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt được thực hiện thu theo tháng. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đóng theo quý, 6 tháng và theo năm thì thu theo quý, 6 tháng và theo năm.

### **Điều 3. Quản lý giá dịch vụ**

Khoản tiền thu được từ dịch vụ trên là doanh thu của đơn vị, đơn vị có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật; bảo đảm bù đắp toàn bộ chi phí thực tế hợp lý đã đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, có lợi nhuận theo định mức phù hợp với cơ chế thị trường, thu nhập của nhân dân tại địa bàn và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ.

Hàng năm, đơn vị được giao nhiệm vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt lập dự toán thu, chi gửi UBND các huyện, thành phố, thị xã duyệt dự toán, báo cáo UBND tỉnh đồng thời gửi Sở Tài chính để giám sát thực hiện.

Đơn vị phải thực hiện quyết toán thuế đối với doanh thu thu được cùng với kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh khác (nếu có) với cơ quan thuế.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Cơ quan tài chính các cấp chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn.

2. Cơ quan thuế phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thường xuyên kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định của pháp luật về thuế; hướng dẫn các đơn vị thực hiện kê khai nộp thuế, quyết toán thuế đối với doanh thu thu được theo quy định của Luật Quản lý thuế hiện hành.

3. Tổ chức, cá nhân vi phạm trong lĩnh vực quản lý giá sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 5. Trách nhiệm thực hiện**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2014 của UBND tỉnh Quy định mức giá dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Nguyen*

#### **Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH, CNN.

Trinhng, QĐ/T12, 30b *Trinhng*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Hồng Bắc**

**GIÁ DỊCH VỤ THU gom, VẬN CHUYỂN, VÀ XỬ LÝ  
RÁC THẢI SINH HOẠT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số: *Đ/2016/QĐ-UBND* ngày 20 tháng 12 năm 2016  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức giá (đồng)
1	Cá nhân, hộ gia đình không kết hợp kinh doanh		
	- Tại các phường thuộc thành phố, thị xã	Người/tháng	7.000
	- Tại các xã, thị trấn còn lại	Người/tháng	5.000
2	Rác thải thông thường tại các trạm y tế xã phường	Trạm/tháng	100.000
3	Các hộ kinh doanh cố định ở chợ; hộ kinh doanh buôn bán dịch vụ nhỏ thuộc diện chưa phải nộp thuế: - Khối lượng rác thải nhỏ hơn 01m <sup>3</sup> /tháng - Khối lượng rác thải ≥ 01m <sup>3</sup> /tháng	Hộ/tháng	35.000
			50.000
4	- Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội. - Khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất kinh doanh, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, bến tàu, bến xe; cửa hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, sản xuất bánh phở, bún, giò chả; kinh doanh hoa tươi và các cơ sở sản xuất kinh doanh khác. - Các trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên; các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông; rác thải thông thường tại bệnh viện, trung tâm y tế, cơ sở y tế tư nhân		
	+ Khối lượng rác thải nhỏ hơn 01m <sup>3</sup> /tháng	Điểm kinh doanh, hoặc đơn vị/tháng	250.000
	+ Khối lượng rác thải ≥ 01m <sup>3</sup> /tháng	Đồng/m <sup>3</sup>	350.000

**Ghi chú:**

- Mức giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Mức giá đối với cá nhân, hộ gia đình không kết hợp kinh doanh, rác thải thông thường tại các trạm y tế xã phường, các hộ kinh doanh cố định ở chợ; hộ kinh doanh buôn bán dịch vụ nhỏ thuộc diện chưa phải nộp thuế, là giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt.